



BẢNG ĐIỂM TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên : **NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH**

MSSV : **41.01.201.080**

Ngày sinh : **03/09/1996**

Nơi sinh : **Lâm Đồng**

Ngành : **Sư phạm Hoá học**

Hệ : **Chính quy**

Chuyên ngành : **Sư phạm Hóa học**

Năm tốt nghiệp : **2019**

STT	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ	Điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ	Ghi chú
1	CHEM1010	Hóa học đại cương 1	4	6.5	2.5	C+	
2	CHEM1011	Hóa học đại cương 2	3	8.5	4.0	A	
3	CHEM1012	Hóa học Vô cơ 1	3	5.3	1.5	D+	
4	CHEM1013	Hóa học Vô cơ 2	3	5.3	1.5	D+	
5	CHEM1018	Cơ sở Hoá lượng tử	2	9.4	4.0	A	
6	CHEM1022	Cơ sở lý thuyết Hóa Hữu cơ	2	5.4	1.5	D+	
7	CHEM1025	Một số phương pháp phân tích hóa lý	3	5.2	1.5	D+	
8	CHEM1038	Cơ sở lý thuyết Hóa Vô cơ	2	4.9	1.5	D+	
9	CHEM1300	Toán trong hóa học 1	3	9.5	4.0	A	
10	CHEM1301	Toán trong hóa học 2	3	7.9	3.5	B+	
11	CHEM1304	Thực hành hóa học đại cương	1	8.0	3.5	B+	
12	CHEM1407	Vật lý đại cương 1	2	7.9	3.5	B+	
13	CHEM1408	Vật lý đại cương 2	2	7	3.0	B	
14	CHEM1412	Thực hành hóa học vô cơ 1	2	8.5	4.0	A	
15	CHEM1415	Hóa lý 1 (Nhiệt động hóa học + Động hóa học)	4	7.4	3.0	B	
16	CHEM1416	Hóa lý 2 (Điện Hóa+ Hóa keo)	3	4.0	1.0	D	
17	CHEM1417	Thực hành Nhiệt - Động	1	8.3	3.5	B+	
18	CHEM1418	Thực hành Điện - Keo	1	8.7	4.0	A	
19	CHEM1421	Hóa học hữu cơ 1	4	6.3	2.5	C+	
20	CHEM1422	Hóa học hữu cơ 2	3	5.2	1.5	D+	
21	CHEM1423	Thực hành Hóa học hữu cơ 1	2	8.1	3.5	B+	
22	CHEM1425	Hóa học phân tích 1	2	4.1	1.0	D	
23	CHEM1426	Hóa học phân tích 2	2	6.1	2.0	C	
24	CHEM1427	Thực hành hóa học phân tích	2	8.2	3.5	B+	
25	CHEM1429	Thực hành phân tích hóa lý	1	8.7	4.0	A	
26	CHEM1430	Hóa học công nghệ môi trường	3	8.6	4.0	A	
27	CHEM1431	Thực hành hóa học công nghệ môi trường	1	9.0	4.0	A	
28	CHEM1432	Một số phương pháp phổ ứng dụng vào hóa học	2	4.9	1.5	D+	
29	CHEM1435	Lý luận và phương pháp dạy học hóa học 1	2	8.0	3.5	B+	
30	CHEM1436	Lý luận và phương pháp dạy học hóa học 2	2	6.3	2.5	C+	
31	CHEM1437	Phát triển chương trình trong dạy học hóa học học ở trường phổ thông	2	8.3	3.5	B+	

MSSV : **41.01.201.080**

STT	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ	Điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ	Ghi chú
32	CHEM1438	Kiểm tra đánh giá trong dạy học hóa học học ở trường phổ thông	3	9.4	4.0	A	
33	CHEM1439	Các phương pháp dạy học hiệu quả	2	7.4	3.0	B	
34	CHEM1440	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học ở trường phổ thông	2	8.8	4.0	A	
35	CHEM1441	Ứng dụng ICT trong dạy học hoá học	2	8.5	4.0	A	
36	CHEM1442	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	8.7	4.0	A	
37	CHEM1443	Thực tập sư phạm 1	2	9.6	4.0	A	
38	CHEM1444	Thực tập sư phạm 2	6	9.6	4.0	A	
39	CHEM1446	Hóa học hữu cơ trong dạy học hóa học học ở trường THPT	3	7.1	3.0	B	
40	CHEM1447	Hóa lý trong giảng dạy hóa học ở trường THPT	3	5.5	2.0	C	
41	CHEM1487	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục và hóa học	2	7.7	3.0	B	
42	DOMS1004	Làm hoa giấy căn bản	2	8.8	4.0	A	
43	DOMS1009	Trang điểm	2	9.5	4.0	A	
44	FLAN1301	Tiếng Anh học phần I	4	M	M	M	
45	FLAN1302	Tiếng Anh học phần II	3	M	M	M	
46	FLAN1303	Tiếng Anh học phần III	3	M	M	M	
47	MILI1101	Đường lối quân sự của Đảng	3	9.2	4.0	Đ	
48	MILI1102	Công tác quốc phòng, an ninh	2	9.2	4.0	Đ	
49	MILI1103	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	4	9.4	4.0	Đ	
50	PHYL1101	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh + Thể dục)	2	9.1	4.0	A	
51	PHYL1102	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	2	9.8	4.0	A	
52	PHYL1106	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền_nâng cao)	1	9.3	4.0	A	
53	POLI1001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	7.5	3.0	B	
54	POLI1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	7.0	3.0	B	
55	POLI1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.6	3.0	B	
56	POLI1903	Pháp luật đại cương	2	9.4	4.0	A	
57	PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2	7.2	3.0	B	
58	PSYC1002	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	2	7.7	3.0	B	
59	PSYC1003	Giáo dục học đại cương	2	6.8	2.5	C+	
60	PSYC1004	Giáo dục học phổ thông	3	6.4	2.5	C+	
61	TTTH2001	Tin học căn bản	3	8.5	4.0	A	

Tổng số tín chỉ : **137**

Điểm trung bình tích lũy :

- Theo thang 10 : **7.39**

- Theo thang 4 : **3.00**

Xếp loại toàn khóa : **Khá**

Kết quả rèn luyện toàn khóa : **Tốt**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Huỳnh Văn Sơn

MSSV: **41.01.201.080**